

CHỈ SỐ SÁNG TẠO CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TIỂU HỌC SONG NGŨ BRENDON NĂM 2018

Lê Thị Tuyết* và Phạm Thị Phương

Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Mục tiêu của nghiên cứu là xác định thực trạng chỉ số sáng tạo (creative quotient - CQ) của học sinh trường Tiểu học song ngữ Brendon, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Nghiên cứu được tiến hành trên 465 học sinh (6-11 tuổi, 241 nam). Phương pháp xác định CQ là phương pháp TSD-Z. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 4,4% học sinh có mức sáng tạo kém; 11,2% có mức sáng tạo thấp; 43,1% mức trung bình; 14,7% mức trung bình khá; 11,6% mức khá; 8,7% mức giỏi và 6,3% mức xuất sắc. Tỷ lệ số lượng học sinh đạt mức sáng tạo khá trở lên (mức E, F, G) tăng dần từ khối 1 (18,8%) đến khối 2 (33,3%) và cao nhất ở khối 3 (45,6%), giảm dần ở khối 4 (33,4%) và thấp nhất ở khối 5 (0%). Điểm số sáng tạo trung bình thì học sinh nữ cao hơn học sinh nam (26,62 so với 23,59, $P=0,017$), tuy nhiên không có sự khác biệt về tỷ lệ mức sáng tạo giữa hai giới.

Từ khóa: Chỉ số sáng tạo, học sinh tiểu học, song ngữ.

1. Mở đầu

Sáng tạo tức là hoạt động tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần có cả tính mới và tính có lợi. Sáng tạo là đặc điểm hoạt động của hệ thần kinh cấp cao, có thể phát triển qua giáo dục và môi trường sống [1]. Học sinh tiểu học từ độ tuổi 6-11 tuổi là độ tuổi có thể rèn luyện, phát triển về trí tuệ, đặc biệt là chỉ số sáng tạo [2]. Do đó, xác định thực trạng sáng tạo của mỗi trẻ để từ đó xây dựng chương trình giáo dục phù hợp với từng cá nhân để phát huy hết khả năng sáng tạo của trẻ là một việc làm rất cần thiết.

Đã có một số nghiên cứu về thực trạng chỉ số sáng tạo ở học sinh và sinh viên Việt Nam [3-6]. Tuy nhiên, số công bố về thực trạng chỉ số sáng tạo của học sinh tiểu học còn hạn chế. Tại Việt Nam, mới có nghiên cứu của Nguyễn Huy Tú năm 2005 [3] về chỉ số sáng tạo của trẻ em ở một số thành phố và vùng nông thôn và nghiên cứu của Dương Thị Anh Đào năm 2017 [4] về chỉ số sáng tạo của học sinh tiểu học Đội Cấn (là một trường tiểu học công lập), thành phố Thái Nguyên. Câu hỏi đặt ra là chỉ số sáng tạo của học sinh tiểu học trường dân lập học theo hệ song ngữ có sai khác so với học sinh tiểu học công lập và sai khác gì so với trước kia.

Trường tiểu học song ngữ Brendon, quận Thanh Xuân, Hà Nội là trường tiểu học có chương trình đào tạo song song giữa chương trình của Bộ giáo dục Đào tạo và chương trình của hệ tiểu học Vương quốc Anh. Mục tiêu của nghiên cứu là xác định được các chỉ số sáng tạo của học sinh trường tiểu học song ngữ Brendon, Hà Nội. Kết quả của nghiên cứu sẽ giúp cung cấp cơ sở khoa học và là dữ liệu ban đầu cho những nghiên cứu tiếp theo nhằm nâng cao chỉ số sáng tạo của học sinh Việt Nam.

Ngày nhận bài: 16/8/2019. Ngày sửa bài: 23/9/2019. Ngày nhận đăng: 4/10/2019.

Tác giả liên hệ: Lê Thị Tuyết. Địa chỉ e-mail: lttuyet@gmail.com, tuyetlt@hnue.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng và thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên 465 học sinh (6-11 tuổi, 241 nam) (toàn bộ học sinh) trường Tiểu học song ngữ Brendon, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Số học sinh khối 1, khối 2, khối 3, khối 4, khối 5 trong nghiên cứu này lần lượt là 96, 95, 92, 94, 88 em. Thời gian thực hiện khảo sát là từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2018.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp xác định CQ: Sử dụng phương pháp TSD-Z của Klaus K. Urban do tác giả Nguyễn Huy Tú việt hóa để xác định CQ với 2 bài kiểm tra, thời gian thực hiện là 15 phút cho mỗi bài [7-9].

Việc đánh giá sản phẩm vẽ này không phải là sự đánh giá về chất lượng hội họa hay chất lượng nghệ thuật. Sản phẩm vẽ được đánh giá theo 14 tiêu chí với tổng số điểm là 72 điểm.

Dựa vào điểm số của 2 bài kiểm tra A và B để tính điểm trung bình và phân loại chỉ số CQ của học thành 7 mức: mức A- mức độ kém (điểm CQ<18), B - mức độ thấp (điểm CQ: 18-22), C - mức độ trung bình (điểm CQ: 23-36), D -mức độ trung bình khá (điểm CQ: 37-45), E -mức độ khá (điểm CQ: 46-53), F - mức độ giỏi (điểm CQ: 54-63), G - mức độ xuất sắc (điểm CQ>63).

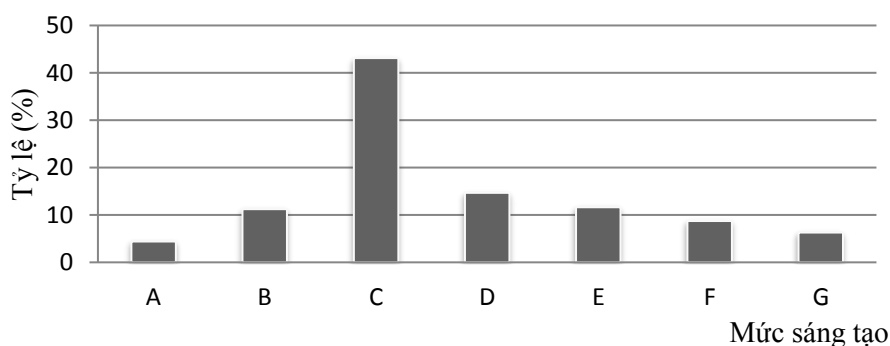
- Phương pháp xử lý số liệu thống kê: Số liệu được nhập và quản lý bởi phần mềm EpiData. Sử dụng phần mềm Microsoft Excel, SPSS 16.0 để xử lý số liệu thống kê. Kiểm định χ^2 được sử dụng để so sánh sự khác biệt giữa các biến định tính. Các biến định lượng được so sánh bằng kiểm định Student t-test (so sánh trung bình giữa hai nhóm) hoặc phân tích phương sai (Analysis of Variance, ANOVA) (so sánh trung bình từ 3 nhóm trở lên). Giá trị $P<0,05$ theo hai phía được coi là có ý nghĩa thống kê.

2.3. Kết quả và thảo luận

2.3.1. Thực trạng mức độ sáng tạo của học sinh trường Tiểu học Song ngữ Brendon phân bố theo khối lớp và giới tính

2.3.1.1. Thực trạng mức độ sáng tạo của học sinh trường Tiểu học Song ngữ Brendon

Dựa trên phân loại sáng tạo của Klaus K.Urban, sáng tạo được chia thành 7 mức độ: A, B, C, D, E, F, G với các mức độ lần lượt là kém, thấp, trung bình, trung bình khá, khá, cao, xuất sắc. Kết quả về mức độ sáng tạo của học sinh trường Tiểu học Brendon được thể hiện Hình 1.



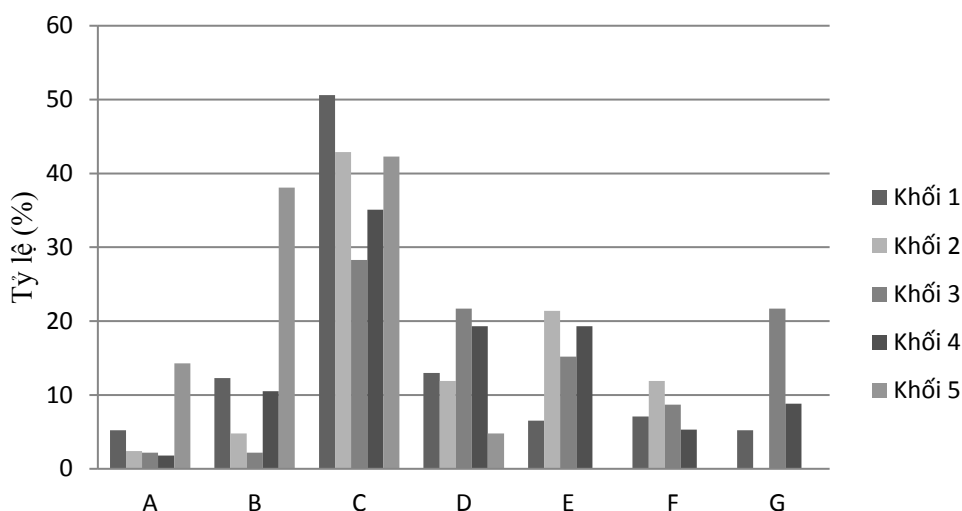
Hình 1. Mức độ sáng tạo của học sinh Tiểu học Song ngữ Brendon

Kết quả cho thấy đa số học sinh trường Tiểu học song ngữ Brendon có mức độ sáng tạo loại trung bình (43,1%); 15,6% mức dưới trung bình (trong đó có 11,2% mức thấp, 4,4% mức kém); 14,7% mức trung bình khá; 11,6% mức khá; 8,7% mức giỏi và 6,3% mức xuất sắc.

So sánh với mức độ sáng tạo của học sinh tiểu học Đội Cấn, thành phố Thái Nguyên mà nhóm nghiên cứu chúng tôi khảo sát năm 2014 [4] thì mức độ sáng tạo của học sinh Trường tiểu học song ngữ Brendon cao hơn. Ở trường tiểu học Đội Cấn, chỉ có 5,8% học sinh có mức sáng tạo từ mức D trở lên, không có học sinh có mức sáng tạo xuất sắc [4]. Điều này có thể giải thích là, ở trường Tiểu học song ngữ Brendon học sinh được học rất nhiều môn học trải nghiệm như môn học STEM (Science, Technology, Engineering, Mathematics), hơn nữa trường có hoạt động ngoại khoá hàng tháng nên có thể chương trình giáo dục này đã giúp mức sáng tạo của học sinh trường này cao hơn một số trường khác.

2.3.1.2. Thực trạng mức độ sáng tạo của học sinh Tiểu học song ngữ Brendon theo khối lớp

Hình 2 thể hiện tỷ lệ các mức độ của học sinh ở các khối lớp.

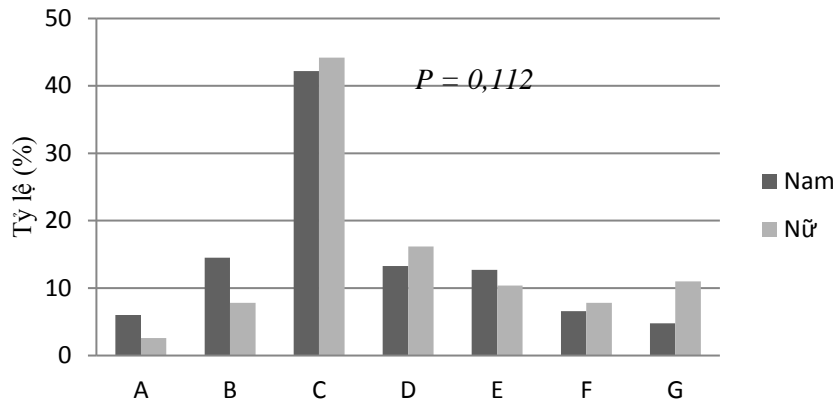


Hình 2. Mức độ sáng tạo theo khối lớp

Hình 2 cho thấy học sinh đạt mức sáng tạo trung bình ở khối 1 cao nhất (chiếm 50,6%), số học sinh đạt mức sáng tạo xuất sắc cao nhất ở khối 3 (21,7%). Tổng tỷ lệ số lượng học sinh đạt mức sáng tạo khá trở lên (mức E, F, G) tăng dần từ khối 1 (18,8%) đến khối 2 (33,3%) và cao nhất ở khối 3 (45,6%), giảm dần ở khối 4 (33,4%) và thấp nhất ở khối 5 (0%). Điều này cũng tương tự nghiên cứu của chúng tôi trên học sinh tiểu học Đội Cấn [4] và nghiên cứu của Christina E. Shalley [10]. Theo Christina E. Shalley, có sự suy giảm chỉ số sáng tạo sau 3 năm học tiểu học, ông gọi đây là sự “tụt dốc ở lớp 4” [10].

2.3.1.2. Thực trạng mức độ sáng tạo của học sinh Tiểu học song ngữ Brendon theo giới tính

Hình 3 thể hiện tỷ lệ các mức độ của học sinh nam và nữ trường Tiểu học song ngữ Brendon. Kết quả cho thấy không có sự khác biệt về tỷ lệ các mức độ sáng tạo ở hai giới ($P = 0,112$). Kết quả này cũng tương tự như nghiên cứu trên học sinh tiểu học Đội Cấn, Thái Nguyên [4] cũng như nghiên cứu của Urban trên 2,060 học sinh từ lớp 1 đến lớp 11 ở nhiều trường khác nhau ở Đức [11].



Hình 3. Mức độ sáng tạo theo giới tính

2.3.2. Thực trạng về các chỉ số thành phần trong kiểm tra TSD-Z theo khối lớp và giới tính

Sản phẩm vẽ của học sinh trong kiểm tra TSD-Z được đánh giá theo 14 tiêu chí, mỗi tiêu chí có ý nghĩa cung cấp thông tin về khả năng sáng tạo về một khía cạnh sách tạo nào đó của học sinh. Cụ thể các tiêu chí là: Mr (mở rộng thêm, điểm tối đa là 6), Bs (bổ sung thêm, điểm tối đa là 6), Pm (phần tử mới, điểm tối đa là 6), Lkh (liên kết theo hình vẽ, điểm tối đa là 6), Lkd (liên kết theo đề tài tranh, điểm tối đa là 6), Vk (vượt khung do họa tiết, điểm tối đa là 6), Vkh (vượt khung không do họa tiết, điểm tối đa là 6), Pc (phối cảnh, điểm tối đa là 6), Hc (hài cảm, điểm tối đa là 6), BqA (bất quy tắc A - xảo thuật, điểm tối đa là 3), BqB (bất quy tắc B - trừu tượng, điểm tối đa là 3), BqC (bất quy tắc C - kết hợp, điểm tối đa là 3), BqD (bất quy tắc D - không dập khuôn, điểm tối đa là 3), Tg (thời gian, điểm tối đa là 6).

2.3.2.1. Thực trạng về các chỉ số thành phần trong kiểm tra TSD-Z theo khối lớp

Bảng 1. Các chỉ số thành phần trong đánh giá CQ ở các khối lớp

Chỉ số	Khối 1 (1)	Khối 2 (2)	Khối 3 (3)	Khối 4 (4)	Khối 5 (5)	Tổng	P
Mr	4,57±1,52	4,96±1,12	5,37±0,76	5,12±0,77	4,38 ±0,86	4,83±1,12	<0,0001
Bs	3,45±1,66	3,83±1,21	4,71±1,15	4,47±1,25	3,33±1,36	3,85±1,54	<0,0001
Pm	0,68±1,15	1,3±1,61	2,2±1,95	2,47±1,91	0,67±0,76	1,29±1,66	<0,0001
Lkh	0,9±1,42	1,49±1,7	1,42±1,4	0,82±1,2	1,21±1,54	1,06±1,45	0,033
Lkd	0,66±1,29	1,46±1,74	1,95±2,19	1,39±1,8	0,43 ±0,75	1,06±1,65	<0,0001
Vk	1,74±2,19	2,25±2,39	4,27±2,12	3,00±2,5	0,86±1,68	2,34±2,42	<0,0001
Vkh	0,52±1,17	0,86±1,59	1,99±2,12	1,26±1,85	0,29±1,02	0,89±1,6	<0,0001
Pc	0,45±1,00	1,39±1,81	1,63±2,18	1,22±1,67	0,33±0,87	0,88±1,53	<0,0001
Hc	1,22±0,99	1,9±1,45	2,13±1,89	2,2±1,34	0,74±0,96	1,58±1,36	<0,0001
BqA	0,45±0,78	0,68±1,01	1,03±1,22	0,66±1,02	0,43±0,69	0,6±0,94	0,005
BqB	0,74±1,05	1,31±1,23	1,86±1,08	0,55±0,97	0,38±0,65	0,92±1,13	<0,0001
BqC	0,51±0,89	1,12±1,05	1,57±1,34	1,37±1,24	0,86±1,12	0,91±1,15	<0,0001
BqD	2,87±0,39	2,96±0,17	2,92±0,45	0,94±0,25	2,79±0,46	2,9±0,36	0,286
Tg	0,66±1,14	1,68±1,68	1,61±1,23	1,46±1,42	0,4±0,87	1,05±1,35	<0,0001
Tổng điểm	20,34±8,61	27,99±10,04	35,26±12,88	30,0±10,55	17,88±4,85	25,04±11,29	

Số liệu trình bày dưới dạng mean ± SD. P nhận từ phân tích One Way ANOVA. Chỉ số P in đậm có giá trị <0,05

Bảng 1 thể hiện thực trạng của 14 chỉ số thành phần trong đánh giá CQ của học sinh trường Tiểu học song ngữ Brendon phân bố theo khối lớp.

Kết quả Bảng 1 cho thấy có sự khác biệt về các chỉ số thành phần trong đánh giá CQ ở các khối lớp ($P < 0,05$) trừ chỉ số BqD (không đập khuôn). Các điểm số thành phần đều có xu hướng tăng dần từ khối 1 đến khối 3 và giảm dần ở khối 4, thấp nhất ở khối 5.

Học sinh tiểu học Brendon có điểm sáng tạo dạng mở rộng (Mr), bổ sung (Bs) và không đập khuôn (BqD) cao (đạt trên 60% điểm số tối đa). Những đặc điểm như phần tử mới (Pm), liên kết (Lkđ, Lkđ), phối cảnh (Pc), vượt khung không do hoạ tiết (Vkh), hài cảm (Hc) và xảo thuật (BqA) có điểm số còn thấp (chỉ đạt dưới 30% điểm tối đa) - cần phải có giải pháp để nâng cao những chỉ số sáng tạo này.

Điểm số sáng tạo của học sinh tiểu học Brendon thể hiện quy luật “tụt dốc ở lớp 4” mà Christina E. Shalley đã chỉ ra [10]. Điểm số sáng tạo trung bình của học sinh tiểu học Brendon cao hơn đáng kể khi so sánh với điểm sáng tạo trung bình của học sinh tiểu học Đội Cấn (20,34 so với 15,65) [4]. So sánh với kết quả nghiên cứu của Sunhee Chae (2003) ở trẻ 6 tuổi ở Hàn Quốc [12] cũng cho thấy điểm CQ trung bình ở học sinh khối 1 (tuổi trung bình 6,73) của chúng tôi là cao hơn với nghiên cứu của Sunhee (20,34 so với 14,8). So sánh với điểm số sáng tạo của trẻ 8-11 tuổi khu vực thành phố được Nguyễn Huy Tú khảo sát năm 2003 [3] thì điểm số sáng tạo trung bình của học sinh tiểu học Brendon cũng cao hơn (25,04 so với 22,17).

2.3.2.2. Thực trạng về các chỉ số thành phần trong kiểm tra TSD-Z theo giới tính

Bảng 2 thể hiện thực trạng của 14 chỉ số thành phần trong đánh giá CQ của học sinh trường Tiểu học song ngữ Brendon phân bố theo giới tính.

Bảng 2. Các chỉ số thành phần trong đánh giá CQ ở học sinh nam và nữ

Chỉ số	Nam (mean ± SD)	Nữ (mean ± SD)	P
Mr	4,73±1,2	4,94±1,03	0,09
Bs	3,59±1,64	4,14±1,37	0,001
Pm	1,08±1,48	1,52±1,80	0,02
Lkh	1,23±1,63	0,87±1,2	0,026
Lkđ	0,66±1,24	1,5±1,91	<0,0001
Vk	2,2±2,29	2,48±2,56	0,304
Vkh	0,91±1,52	0,87±1,7	0,799
Pc	0,49±1,06	1,29±1,83	<0,0001
Hc	1,28±1,05	1,91±1,57	<0,0001
BqA	0,64±0,92	0,56±0,95	0,395
BqB	1,03±1,19	0,8±1,07	0,068
BqC	0,89±1,18	0,94±1,11	0,753
BqD	2,87±0,42	2,93±0,3	0,205
Tg	1,01±1,37	1,1±1,34	0,519
Tổng điểm	23,59±10,37	26,62±12,05	0,017

P nhận được từ kiểm định Student's t test. Chỉ số in đậm có giá trị $P < 0,05$

Kết quả Bảng 2 cho thấy có điểm trung bình của chỉ số Bs, Pm, Ldt, Pc, Hc ở học sinh nữ cao hơn so với học sinh nam ($P < 0,05$), còn chỉ số Lkh ở học sinh nam cao hơn so với học sinh nữ (1,23 so với 0,87, $P = 0,026$). Xét về điểm số sáng tạo trung bình thì học sinh nữ trường tiểu

học song ngữ Brendon có điểm số sáng tạo cao hơn học sinh nam (26,62 so với 23,59, $P=0,017$).

Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Sunhee Chae ở trẻ mầm non Hàn Quốc [12] và nghiên cứu của Urban trên học sinh Đức [11] cho thấy ở lứa tuổi nhỏ (mầm non và tiểu học) điểm số sáng tạo của trẻ nữ có xu hướng cao hơn so với trẻ nam.

Chỉ số sáng tạo là một chỉ số phụ thuộc nhiều vào yếu tố môi trường sống và giáo dục [1, 2]. Kết quả này cho thấy thực trạng về mức độ sáng tạo, điểm số sáng tạo của học sinh tiểu học song ngữ Brendon theo khối lớp và giới tính - cung cấp cơ sở khoa học để xây dựng những giải pháp, cải tiến trong giáo dục nhằm tăng cường sự phát triển trí sáng tạo của học sinh, giúp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu chỉ số sáng tạo trên 465 học sinh trường Tiểu học song ngữ Brendon, Hà Nội cho thấy: có 4,4% học sinh có mức sáng tạo kém; 11,2% có mức sáng tạo thấp; 43,1% mức trung bình; 14,7% mức trung bình khá; 11,6% mức khá; 8,7% mức giỏi và 6,3% mức xuất sắc. Tỷ lệ số lượng học sinh đạt mức sáng tạo khá trở lên (mức E, F, G) tăng dần từ khối 1 (18,8%) đến khối 2 (33,3%) và cao nhất ở khối 3 (45,6%), giảm dần ở khối 4 (33,4%) và thấp nhất ở khối 5 (0%). Điểm số sáng tạo trung bình thì học sinh nữ cao hơn học sinh nam (26,62 so với 23,59, $P=0,017$), tuy nhiên không có sự khác biệt về tỷ lệ mức sáng tạo giữa hai giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Christina E. Shalley, Michael A. Hitt, Jing Zhou, 2014. *Oxford Handbook of Creativity, Innovation, and Entrepreneurship*. Oxford University Press, p 245-300.
- [2] Đỗ Ngọc Miên, 2014. *Phát triển một yếu tố của tư duy sáng tạo cho học sinh tiểu học*. Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, tr. 3-48.
- [3] Nguyễn Huy Tú, 2005. *Trí sáng tạo của trẻ em Việt Nam*. Tạp chí Tâm lý học, 8 (77), tr 31-38.
- [4] Dương Thị Anh Đào, Lê Thị Tuyết, 2017. *Thực trạng chỉ số sáng tạo của học sinh tiểu học Đội Cấn, Thành phố Thái Nguyên và mối liên quan giữa một số yếu tố môi trường sống trong gia đình đến chỉ số sáng tạo thấp của trẻ*. Tạp chí khoa học, Đại học Sư phạm Hà Nội, 62 (3), tr. 121-126.
- [5] Lê Thị Tuyết, Nguyễn Diệu Linh, 2018. *Chỉ số sáng tạo của sinh viên Khoa Sinh học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và một số yếu tố liên quan*. Tạp chí khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 63 (3), tr 158-166.
- [6] Võ Thị Ngọc Hương, 2015. *Trí sáng tạo của sinh viên trường đại học sư phạm kỹ thuật Vinh*. Luận văn thạc sĩ tâm lý học, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Nguyễn Huy Tú, 2007. *Bộ trắc nghiệm sáng tạo TSD-Z của Klaus K. Urban với những ứng dụng ở nước ngoài và Việt Nam*. Nhà xuất bản đại học Sư phạm Hà Nội.
- [8] Klaus K. Urban, 2004. *Assessing Creativity: The Test for Creative Thinking - Drawing Production (TCT-DP) The Concept, Application, Evaluation, and International Studies*. Psychology Science, 46 (3), p. 387-397
- [9] Klaus K. Urban, 2005. *Assessing creativity: The Test for Creative Thinking - Drawing Production (TCT-DP)*. International Education Journal, 6(2), p. 272-280.
- [10] Christina E. Shalley, Jing Zhou and Greg R. Oldham, 2004. *The Effects of Personal and Contextual Characteristics on Creativity: Where Should We Go from Here?* Journal of Management 30, pp. 933-958.

- [11] Klaus K. Urban and H.G. Jellen, 1995. *On the development of creativity in children. A study with the 'Test for Creative Thinking – Drawing Production' (TCT-DP)*. The Creativity Research Journal, 4, pp. 177-191.
- [12] Sunhee Chae, 2003. *Adaptation of a picture-type creativity test for pre-school children*. Language Testing, 20 (2), pp. 178-188.

ABSTRACT

Creativity quotient status in Brendon Bilingual Primary School in 2018

Le Thi Tuyet* and Pham Thi Phuong

Faculty of Biology, Hanoi National University of Education

The aim of the study was to determine the status of creative quotient (CQ) of students in Brendon Bilingual Primary School, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam. The study was conducted on 465 students (6-11 years, 241 boys). The method to determine CQ was the test for creative thinking - drawing production (TCT-DP). Results showed that the rate of students' creative levels was: 4.4% in the deeply below average level; 11.2% in the below average level; 43.1% in the average level; 14.7% in above average level; 11.6% in highly above average level; 8.7% in good level and 6.3% in excellent level. The percentage of students in a high level of creativity (E, F, G levels) increased gradually from 1st grade (18.8%) to 2nd grade (33.3%) to 3rd grade (45, 6%), and it decreased in 4th grade (33.4%). No student in 5th grade had a high level of creativity. The average creative score in the girl group was higher than that in the boy one (26.62 compared with 23.59, $P = 0.017$), however there was no difference in the rate of creative levels between boy and girl students.

Keywords: Creativity quotient, CQ, students, bilingual primary school.